

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 5 – 2020

Về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Vĩnh Mai

2. Ông Hồ Tùng Mậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ D - Sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường 4KC, thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hồ Tấn H - Sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 4KC, thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D trình bày có nội dung như sau:

Bà D và ông Hồ Tấn H tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/3/2006, nhưng vợ chồng ông, bà đã chung sống với nhau từ năm 2004.

Quá trình chung sống đến nay đã được 16 năm, nhưng trong những năm qua, bà D đã cố gắng chịu đựng vì con khi những lần ông H đi nhậu say về đập phá đồ

đặc trong nhà và ngược đãi mẹ con. Lúc đầu bà D cứ nghĩ là do ông H say nên không biết gì nhưng mà sau này tình hình cứ kéo dài nên bà D không chịu nổi và ảnh hưởng đến việc học hành của con cái. Đến nay mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, bà D không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa nên bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng bà D, ông H có 03 con chung là: Cháu Hồ Anh Ph – Sinh ngày 08/02/2007; cháu Hồ Bảo Hoàng Uyên C – Sinh ngày: 29/6/2008 và cháu Hồ Ngọc Gia H – Sinh ngày: 24/11/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả ba cháu Hồ Anh P, Hồ Bảo Hoàng Uyên C và Hồ Ngọc Gia H cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông Hồ Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Hồ Tấn H trình bày có nội dung như sau:

Ông H và bà Đỗ Thị Mỹ D đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống với nhau, ông bà không có mâu thuẫn gì cả. Ông H không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông H có nguyện vọng được nuôi 03 cháu. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Hồ Tấn H đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Đỗ Thị Mỹ D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử bà được ly hôn với ông Hồ Tấn H. Về con chung: Bà D đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hồ Anh P – Sinh ngày 08/02/2007 cho ông Hồ Tấn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu Hồ Bảo Hoàng Uyên C – Sinh ngày: 29/6/2008 và cháu Hồ Ngọc Gia H – Sinh ngày: 24/11/2016 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn - bà Đỗ Thị Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Hồ Tấn H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Tấn H vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ Tấn H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/3/2006, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do ông H đi nhậu say về đập phá đồ đạc trong nhà và ngược đãi mẹ con bà D. Lúc đầu bà D cứ nghĩ do say nên ông H không biết gì nhưng tình hình vẫn kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và làm ảnh hưởng đến việc học tập của con cái. Nay bà Đỗ Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Tấn H.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân thì bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H là vợ chồng và cùng chung sống tại địa chỉ: Đường 4KC, thôn M, xã H, thành phố B. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng bà D và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng ông, bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa vợ chồng bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Mỹ D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H có 03 con chung là cháu Hồ Anh P – Sinh ngày 08/02/2007; cháu Hồ Bảo Hoàng Uyên C – Sinh ngày: 29/6/2008 và cháu Hồ Ngọc Gia H – Sinh ngày: 24/11/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy các cháu đều còn nhỏ, vẫn đang trong độ tuổi phát triển và để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các cháu nên cần giao cháu Hồ Anh P cho ông Hồ Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao các cháu Hồ Bảo Hoàng Uyên C và Hồ Ngọc Gia H cho bà Đỗ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Mỹ D.

Bà Đỗ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Hồ Tấn H.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Anh P, sinh ngày 08/02/2007 cho ông Hồ Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao các cháu Hồ Bảo Hoàng Uyên C, sinh ngày: 29/6/2008 và Hồ Ngọc Gia H, sinh ngày: 24/11/2016 cho bà Đỗ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Hồ Tấn H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị Mỹ D đã nộp (Võ Đình D nộp thay) theo biên lai thu số AA/2019/0005674 ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã H, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông